TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03 /2018/QĐST-KDTM

Quỳ Hợp, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 07 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được gh i trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện , nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Tổng giám đốc.

- Người được ủy quyền : Ông Đặng Văn T. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh P. Là đại diện theo văn bản số: 8695/QĐ- BIDV ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Hưng Đ, khối Tân P, phường Hòa H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người được ủy quyền lại: Ông Lưu Song T.

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Q. Là người được ủy quyền lại theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 490/QĐ-BIDV.PQ, ngày 30/ 5/2018 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh P.

Địa chỉ: Khối T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Trương Văn D: Sinh năm 1970.

Chị Đậu Thị H: Sinh năm 1972.

Đều trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trương Thị N: Sinh năm 1992.
- Anh Trương Quang A: Sinh năm 1994.

Đều trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3- Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Anh Trương Văn D và chị Đậu Thị H có nghĩa trả số tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số 01/ 2016/8982326/HĐTD ngày 22/ 9 /2016, số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 11/7/2018 là: **1.387.453.708** đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi ban nghìn, bảy trăm linh tám đồng*).

Anh Trương Văn D và chị Đậu Thị H tiếp tục chịu khoản lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán hợp đồng.

Anh Trương Văn D và chị Đậu Thị H không thanh toán được khoản tiền nợ nêu trên thì Anh Trương Văn D, chị Đậu Thị H, chị Trương Thị N, anh Trương Quang A đồng ý xử lý tài sản thế chấp là phát mại để thu hồi nợ gồm:

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Hợp đồng số 01/2016/8982326/HĐTD ngày 22/09/2016 là: Diện tích đất 472,5 m2, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 06, và tài sản gắn liền với đất, tại địa chỉ xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 298687 cấp ngày 22/09/2006 mang tên Trương Văn D và Đậu Thị H, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/8982326/HĐBĐ ngày 22/09/2016.

Án phí: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trương Văn D và chị Đậu Thị H phải chịu án phí DSST là: **26.811.805** đồng (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm mười một nghìn, tám trăm linh năm đồng)*. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh P số tiền là **20.506.000** đồng *(Hai mươi triệu, năm trăm linh sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007108, ngày 05 / 7 /2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi h ành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự.
-VKS ND huyện Q
- PGĐKT Tòa án tỉnh.
- Chi cục THADS H Q**.**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

ĐÀO VĂN ĐẠT